

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2020
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hội

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 20/2020/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1986; (Có mặt)

Địa chỉ: thôn Hn, xã P1, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Bị đơn: anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: thôn Hn, xã P1, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện tạm trú tại: Ấp T, xã TT, huyện C, tỉnh Cà Mau

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày:

Chị Lê Thị Ngọc L và anh Huỳnh Văn K có tình cảm và yêu thương nhau, kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND P1, huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, anh K không quan tâm đến vợ con nên thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2017 vợ chồng sống ly thân. Nay chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị L và anh K có 01 người con chung tên Huỳnh Văn Tuấn Đ, sinh ngày 26/8/2012. Hiện con chung đang sống với chị L khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn K trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Ngọc L về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh K đồng ý.

Về con chung: Anh K và chị L có 01 người con chung tên Huỳnh Văn Tuấn Đ, sinh ngày 26/8/2012. Khi ly hôn anh K đồng ý giao con chung cho chị L nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Văn K ở thôn Hn, xã P1, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc L và anh Huỳnh Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã P1, huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng đã không tôn trọng lẫn nhau, không còn quan tâm nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2017 đến nay, việc chị lanh yêu cầu ly hôn thì anh K đồng ý. Mặt khác qua xác minh tại Hội phụ nữ xã P1 cho biết thì vợ chồng chị L và anh K hiện nay không sống chung. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn với anh K.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh K có 01 người con chung tên Huỳnh Văn Tuấn Đ, sinh ngày 26/8/2012. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị L. Việc chị L yêu cầu nuôi con chung thì anh K đồng ý. Mặc dù trong quá trình giải quyết thì cháu Đ có nguyện vọng được ở với cha, nhưng từ trước đến nay cháu Đ có cuộc sống ổn định với mẹ. Mặt khác từ khi sống ly thân anh K không có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Đ và hiện nay anh K đi làm ăn xa. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Đ nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Đ cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Huỳnh Văn K không trực tiếp nuôi dưỡng thì có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mức cấp dưỡng chị L yêu cầu 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện của anh K nên được chấp nhận. Buộc anh K phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Anh Huỳnh Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho Lê Thị Ngọc L được ly hôn anh Huỳnh Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Văn Tuấn Đ, sinh ngày 26/8/2012 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Huỳnh Văn K phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Huỳnh Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0002782 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi. Anh Huỳnh Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã P1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)
Nguyễn Minh Kha

